

Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý III/ 2026)

1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN (DFVN – CAF)

1.1. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của nhà đầu tư, phần đầu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là tăng 1,45% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư:

Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị, phân tích cơ bản và đánh giá các yếu tố thị trường. Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh;
- Có tình trạng tài chính lành mạnh;
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt; và
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ là tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

Tài sản được phép đầu tư:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật Ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; trái phiếu doanh

nghiệp pháp hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8.5 Điều lệ Quỹ;

- Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8.7 Điều lệ Quỹ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Cơ cấu đầu tư:

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản đầu tư	Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)
Cổ phiếu	50% – 100%
Tiền gửi ngắn hạn (*)	0 – 49%
Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát	Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên.

(*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

1.4. Phân loại Quỹ:

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn:

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019.

1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 9.748.652,42 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 97.486.524.200 Đồng Việt Nam.

1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính được kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; và
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư. Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2. Số liệu hoạt động

2.1. Cơ cấu tài sản quỹ:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2026 (%)	30/06/2025 (%)	30/06/2024 (%)
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	93,66	93,63	89,64
2. Tiền và tương đương tiền	4,17	6,02	9,61
3. Tài sản khác	2,17	0,35	0,75
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chi tiêu	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
1. NAV của Quỹ (VND)	167.271.620.227	143.032.578.323	122.339.948.591
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	9.748.652,42	9.023.948,69	7.675.253,20
3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)	17.158,43	15.850,33	15.939,53
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	18.220,96	15.850,33	16.473,81
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	16.954,39	14.280,03	14.802,04
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%)	-4,34	1,72	-0,73

9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12. Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,41	2,02	2,61
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	161,78	88,04	274,98

2.3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	8,25	8,25
- 3 năm	28,86	8,81
- Từ khi thành lập	71,58	7,47

2.4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/06/2026 (%)	30/06/2025 (%)	30/06/2024 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng / 01 đơn vị CCQ (%)	8,25	-0,56	19,71

3. Mô tả thị trường trong kỳ:

Tình hình kinh tế thế giới trong Quý II/2026 tiếp tục diễn biến phức tạp khi xung đột vũ trang tại khu vực Trung Đông diễn ra, làm gia tăng biến động giá năng lượng, chi phí vận tải và gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Đồng thời, điều kiện tài chính quốc tế có xu hướng thắt chặt trở lại do áp lực lạm phát gia tăng, khiến nhiều tổ chức quốc tế điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2026 xuống quanh mức 2,4% - 3,1%.

2026 là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 với mục tiêu tăng trưởng cao. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. GDP quý II/2026 ước tăng 8,39% so với cùng kỳ năm trước; tính chung sáu tháng đầu năm 2026 tăng 8,18% (so với mức 7,63% của cùng kỳ năm 2025). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81% và khu vực dịch vụ tăng 8,09%, cho thấy động lực tăng trưởng được duy trì khá đồng đều giữa các khu vực.

Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục là điểm sáng với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) sáu tháng đầu năm tăng 10,8% - mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Ngành chế biến, chế tạo tăng 11,4% và đóng vai trò động lực chính của nền kinh tế, trong khi sản xuất và phân phối điện cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực.

Về đầu tư, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 1.807,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nhà nước chiếm 28,1%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 53,8% và khu vực FDI chiếm 18,1%, phản ánh sự lan tỏa tương đối đồng đều của động lực đầu tư. Vốn FDI thực hiện đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% và là mức cao nhất của giai đoạn 5 năm gần đây.

Hoạt động thương mại quốc tế tăng trưởng mạnh, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu sáu tháng đạt 549,7 tỷ USD (+27,1%). Tuy nhiên, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu (33,4% so với 21,0%), dẫn tới cán cân thương mại chuyển sang nhập siêu 16,65 tỷ USD. Điều này phản ánh nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất gia tăng phục vụ cho mở rộng sản xuất trong giai đoạn cuối năm. Mặc dù vậy với quy mô nhập siêu khá lớn, đây vẫn là rủi ro tiềm ẩn cho tỷ giá cần chú ý theo dõi.

Lạm phát cơ bản được kiểm soát ở mức phù hợp, trong bối cảnh áp lực giá vẫn còn hiện hữu. CPI bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,12%. Áp lực giá đến từ nhóm nhà ở, năng lượng và thực phẩm, dù giá xăng dầu có xu hướng hạ nhiệt trong tháng 6.

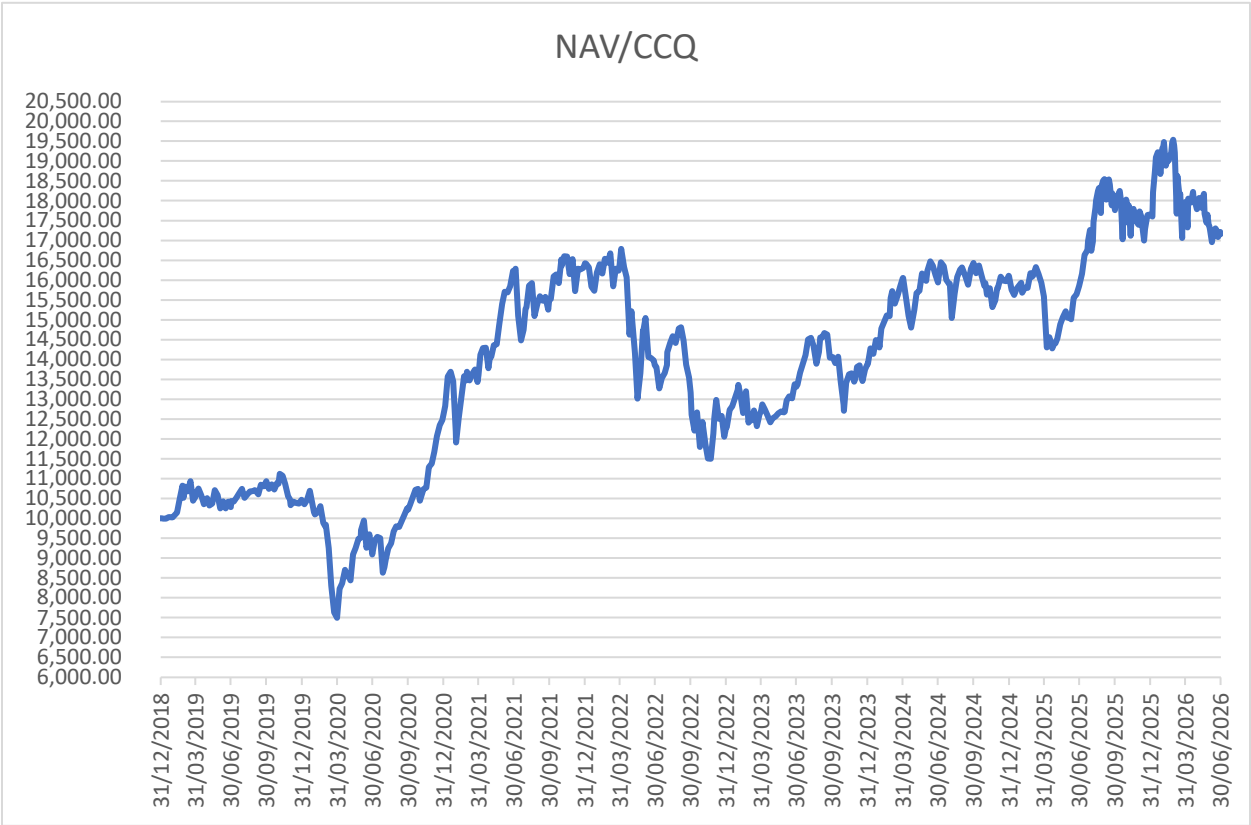
Nhìn chung, kinh tế Việt Nam trong quý 2 duy trì tăng trưởng cao và ổn định vĩ mô, dù chịu tác động từ môi trường bên ngoài kém thuận lợi. Tuy nhiên, áp lực nhập siêu, chi phí đầu vào và rủi ro từ kinh tế toàn cầu đòi hỏi chính sách điều hành tiếp tục linh hoạt và thận trọng trong thời gian tới.

4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	8,25	28,86	71,58
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	8,25	8,81	7,47
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

- (*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.
- (**) Quỹ không có giá trị thị trường.



● Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	30/06/2026	30/06/2025	Tỷ lệ thay đổi (%)
NAV của Quỹ	167.271.620.227	143.032.578.323	16,95
NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”)	17.158,43	15.850,33	8,25

4.2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

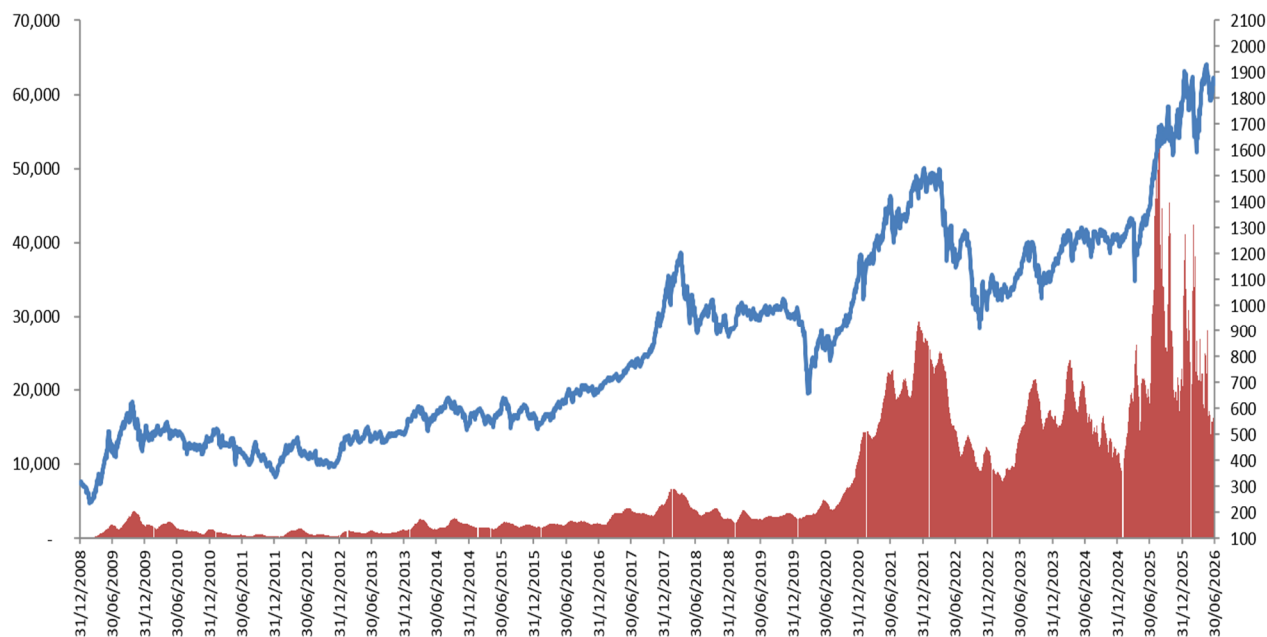
Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	4.527	2.195.208,50	22,52
Từ 5.000 – dưới 10.000	179	1.237.463,76	12,69
Từ 10.000 – dưới 50.000	109	2.182.449,54	22,39
Từ 50.000 – dưới 500.000	18	2.189.387,62	22,46
Từ 500.000	1	1.944.143,00	19,94
Tổng cộng	4.834	9.748.652,42	100,00

4.3. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

5. Thông tin về triển vọng thị trường

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh, chiều qua trục bên phải) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ, chiều qua trục bên trái, đơn vị: tỷ đồng/ ngày)



Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc 6 tháng đầu năm 2026 với VN-Index đạt 1.860 điểm, tăng 4,23% so với cuối năm 2025, tăng 11% so với cuối quý 1. Diễn biến thị trường trong nửa đầu năm tương đối giằng co: tăng trưởng tích cực trong giai đoạn quý 2 nhờ kỳ vọng kinh tế cải thiện, chính sách hỗ trợ tăng trưởng và xung đột hạ nhiệt, nhưng trong khi quý 1 đã chịu áp lực điều chỉnh mạnh trước biến động địa chính trị và dòng vốn rút ròng của nhà đầu tư nước ngoài.

Thanh khoản thị trường duy trì ổn định với giá trị giao dịch bình quân khoảng 25.200 tỷ đồng/phần, cao hơn mức 19.200 tỷ đồng/phần của năm 2025. Mặc dù vậy diễn biến thanh khoản cũng tương tự như diễn biến chỉ số Vn-index, khi càng về giai đoạn cuối quý 2 năm 2026, thanh khoản càng suy giảm mạnh, thị trường giao dịch trong xu hướng đi ngang.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô tăng trưởng tích cực, lợi nhuận doanh nghiệp có xu hướng cải thiện, đây là nền tảng hỗ trợ thị trường cổ phiếu trong trung và dài hạn. Đặc biệt, việc cải cách thị trường và lộ trình nâng hạng tiếp tục là yếu tố hỗ trợ dòng vốn ngoại. Tuy nhiên, rủi ro thị trường vẫn hiện hữu từ biến động tỷ giá, lãi suất toàn cầu và căng thẳng địa chính trị. Ngoài ra, áp lực nhập siêu và chi phí vốn có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận doanh nghiệp trong một số ngành có tỷ lệ đòn bẩy cao.

Xét về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì triển vọng tích cực nhờ nền tảng tăng trưởng kinh tế cao, định giá hấp dẫn so với khu vực và dư địa mở rộng của thị trường vốn.

6. Thông tin khác

6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Ông Trần Châu Danh Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh; • Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; • Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh; • Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst); • Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician); • Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Ông có trên hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam).
Ông Fumihiko Kida Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Thương mại, Đại học Doshisha, Nhật Bản; • Chuyên gia Phân tích (Certified Member Analyst) của Hiệp hội Phân tích Chứng khoán Nhật Bản. <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Ông đã có hơn mười sáu (16) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông từng đảm nhiệm vị trí cấp cao tại Trung tâm Tài chính Doanh Nghiệp của Dai-ichi Life Nhật Bản, phụ trách nghiệp vụ thẩm định tín dụng và cho vay đối với các khoản vay ưu tiên, tài trợ cho vay

	các thương vụ mua thâu tóm bằng vốn vay và cho vay cấp vốn dựa trên tài sản. Trước đó, ông cũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và lập ngân sách đầu tư tại Dai-ichi Life Nhật Bản.
--	---

6.2. Người điều hành Quỹ

Ông Đặng Nguyễn Trường Tài, Giám đốc Đầu tư	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; • Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada); • CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM; • Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Ông có trên hai mươi (20) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, trong đó có hơn mười lăm (15) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam.
Ông Vương Khắc Huy Trưởng phòng Đầu tư	<i>Trình độ chuyên môn</i> ➤ Cử nhân Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; ➤ Thạc sỹ Kinh doanh và Thương mại Đại học Western Sydney (Úc); ➤ Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp; và ➤ Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst). <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Trên mười bốn (14) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và đầu tư, trong đó có hơn bảy (07) năm công tác tại bộ phận Đầu tư của Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và hiện đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư DFCVN. Trước khi gia nhập DFCVN, ông đã từng đảm

	nhiệm vị trí phân tích tại Savills Việt Nam, Chứng khoán Bản Việt và Chứng khoán FPT.
--	---

6.3. Ban Đại diện Quỹ

Ông Đỗ Hùng Việt Chủ tịch* (*chấm dứt kể từ ngày 22/06/2026, như thông tin Công ty đã công bố trên website)	Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và đầu tư. Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (“VASB”). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (“HIFU”) với vị trí Trưởng phòng ủy thác.
Ông Huỳnh Văn Dũng Thành viên ** (**tạm thời giữ vị trí Chủ tịch từ ngày 06/07/2026, như thông tin Công ty đã công bố trên website)	Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán. Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV. Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”).
Ông Nguyễn Gia Huy Chương Thành viên	Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.

	Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có 12 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners. Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; thành viên Hiệp hội Luật sư khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.
--	---

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Trần Châu Danh
TỔNG GIÁM ĐỐC